

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-ST

Ngày: 28-11-2019

*“V/v tranh chấp Hợp
đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Phú

2. Ông Nguyễn Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: không.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-TCDS ngày 10/6/2019 về “tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-DS, ngày 13/11/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân C; nơi ĐKKHKT: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị H; nơi cư trú: thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/5/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C trình bày: Vào ngày 22/6/2018 (âm lịch) tức là ngày 03/8/2018 (dương lịch) giữa ông với chị Lê Thị H có thỏa thuận bằng Hợp đồng vay tiền, theo đó chị H vay từ ông số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm và hẹn đến ngày 22/8/2018 (âm lịch) thì chị H phải trả toàn bộ số tiền nợ trên. Khi vay chị H có đưa cho ông giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng ki ốt. Tuy nhiên, từ sau khi vay mượn đến nay chị H vẫn chưa trả cho ông một khoản tiền nào. Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông một lần toàn bộ số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và em gái tên Lê Thị Huyền có vào nhà ông C vay tiền 02 lần, cụ thể: Lần 01 cách lần 02 khoảng một tháng, chị nhận từ ông C là 24.000.000 đồng nhưng phải viết giấy vay là 29.000.000 đồng; lần 02 vào ngày 22/8/2018 (âm lịch) nhận tiếp từ ông C số tiền là 8.000.000 đồng nhưng phải ký vào giấy vay là 50.000.000 đồng. Do giữa em gái chị với ông C có thỏa thuận như thế nào hay không thì chị không biết mà em gái chị bảo yên tâm cứ ký vào giấy vay tiền nên chị đã ký. Thật sự tổng cộng số tiền chị nhận từ ông C 02 lần là 32.000.000 đồng. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng ki ốt là khi vào vay lần một do ông C yêu cầu để tạo niềm tin cho nhau nên chị đã giao cho ông C. Từ sau khi vay tiền cho đến nay chị vẫn chưa thanh toán cho ông C số tiền nào. Mặc dù ông C có tới gặp chị đòi tiền nhưng vì khó khăn và cần bàn bạc trao đổi trong gia đình nên chị chưa thanh toán tiền nợ cho ông C. Chị H chỉ chấp nhận trả số tiền gốc vay là 32.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận và xin trả dần hàng tháng, thanh toán xong trong vòng 03 tháng. Tại phiên hòa giải ngày 22/8/2019, giữa các bên đương sự đã thống nhất được số tiền trả nợ là 45.000.000 đồng nhưng do chị H không thực hiện như đã thỏa thuận nên tại phiên hòa giải ngày 05/11/2019, ông C đã không thống nhất khoản tiền nợ mà các bên thống nhất ngày 22/8/2019. Chị H giữ nguyên ý kiến trả nợ cho ông C với tổng số tiền như các bên thỏa thuận ngày 22/8/2019.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hai bên đương sự để hòa giải nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn, cũng như nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý phải thực hiện của phía bị đơn song hai bên đương sự vẫn không thống nhất tìm ra được phương án thanh toán số tiền nợ.

Đối với ý kiến của chị H khi cho rằng thời điểm vào vay tiền tại nhà ông C có em gái của chị là Lê Thị Huyền đi cùng và chị H vay tiền là cho em gái. Tuy

nhiên, chị H không cung cấp được địa chỉ, nơi sinh sống và làm việc của chị Huyền nên Tòa án không thể triệu tập hay xác minh, lấy lời khai được của chị Huyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Giữa ông Nguyễn Xuân C với chị Lê Thị H đã ký kết Hợp đồng vay tài sản, do chị H vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên ông C khởi kiện tại Tòa án đòi số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng ký kết. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự: Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Giữa ông Nguyễn Xuân C với chị Lê Thị H đã xác lập, giao kết Hợp đồng vay tài sản tài sản có thời hạn và có lãi. Hợp đồng ký kết giữa hai bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, chị Lê Thị H chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 22/6/2018 (âm lịch) tức là ngày 03/8/2018 (dương lịch) giữa ông C với chị Lê Thị H có thỏa thuận bằng Hợp đồng vay tiền, theo đó ông C cho chị H vay số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm và hẹn đến ngày 22/8/2018 (âm lịch) thì chị H phải trả toàn bộ số tiền nợ trên. Như vậy, việc ký kết, xác lập hợp đồng vay mượn tiền giữa ông Nguyễn Xuân C với chị Lê Thị H là hoàn toàn có thực, đúng thực tế, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận, số tiền vay, lãi suất phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình sau khi vay chị H chưa trả cho ông C một khoản tiền nào, điều này cũng được chị H thừa nhận nên việc ông C khởi kiện yêu cầu chị H phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ vay bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi cho mình là hoàn toàn có cơ sở.

Đối với ý kiến, yêu cầu của chị Lê Thị H khi cho rằng mình chỉ vay và nhận tiền làm 02 đợt với tổng số tiền là 32.000.000 đồng nhưng phải viết giấy nợ là 50.000.000 đồng và chị chỉ đồng ý thanh toán khoản tiền nợ mà mình đã nhận. Nếu ông C không đồng ý thì chị đồng ý trả số tiền là 45.000.000 đồng như tại phiên hòa giải ngày 22/8/2019 mà giữa các bên đương sự đã thống nhất được. Hội

đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù chị H đã trình bày ý kiến là nhận tổng số tiền là 32.000.000 đồng và khi vào vay có em gái là chị Lê Thị Huyền nhưng chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị đó của mình là có căn cứ và hợp pháp. Chị H cũng không cung cấp được địa chỉ, nơi sinh sống và làm việc của chị Huyền nên Tòa án không thể triệu tập hay xác minh, lấy lời khai được của chị Huyền. Mặt khác, ngày 22/8/2019 mặc dù giữa hai bên có thỏa thuận thống nhất khoản tiền mà chị H trả cho ông C là 45.000.000 đồng nhưng phải trả trước ngày 06/9/2019, do chị H vẫn không có phương thức thực hiện thực hiện nghĩa vụ trả nợ vào thời gian như hai bên thống nhất nên không được phía nguyên đơn chấp nhận. Mặt khác, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng vay tiền đã thể hiện việc hai bên ký kết với số tiền vay là 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm và chị H cũng đã thừa nhận viết giấy nhận nợ số tiền là 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị H chấp nhận đồng ý được trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng nhưng không trả tiền lãi và xin được trả dần hàng tháng mỗi tháng số tiền là 5.000.000 đồng, tuy nhiên ý kiến này không được phía nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C đồng ý. Do vậy, yêu cầu, đề nghị của chị Lê Thị H là không có căn cứ, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời gian vay và số tiền trả nợ: Hai bên xác lập hợp đồng vào ngày 22/6/2018 (âm lịch) tương ứng là ngày 03/8/2018 (dương lịch), với số tiền vay là 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận. Thời gian tính từ khi vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/11/2019 là 15 tháng 25 ngày.

Như vậy tổng số tiền lãi là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ tháng} \times 20\% = 13.194.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi là: $50.000.000 \text{ đồng} + 13.194.000 \text{ đồng} = 63.194.000 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định, đánh giá trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C, buộc bị đơn chị Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Xuân C tổng số tiền là 63.194.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2019 là 13.194.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C về việc “tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn chị Lê Thị H.

Buộc chị Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Xuân C tổng số tiền nợ là 63.194.000 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 13.194.000 đồng.

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự”.

2. Về án phí:

2.1. Buộc chị Lê Thị H phải chịu 3.159.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

2.2. Ông Nguyễn Xuân C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.458.333 đồng theo biên lai thu số 0001353 ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/11/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS h. Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực